

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Y
TỈNH HƯNG YÊN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 87/2024/HNGĐ-ST

Ngày 12-8-2024

V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Y, TỈNH HƯNG YÊN

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Đào Thị Thu Hương

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Xuân Thuật và ông Vũ Minh Đón

- **Thư ký phiên toà:** Ông Đào Tiến Đạt - Thư ký Toà án nhân dân huyện Y, tỉnh Hưng Yên.

- **Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Y, tỉnh Hưng Yên tham gia phiên toà:** Ông Nguyễn Ngọc Thơ - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Y, tỉnh Hưng Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 58/2024/TLST-HNGĐ ngày 03/6/2024 về việc Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 20/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 17/7/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 20/2024/QĐST-HNGĐ ngày 02/8/2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Đỗ Đình S, sinh năm 1976; nơi cư trú: Thôn Y1, xã H1, huyện Y, tỉnh Hưng Yên. Có mặt.

Bị đơn: Bà Trương Thị H, sinh năm 1976; hộ khẩu thường trú: Thôn Y1, xã H1, huyện Y, tỉnh Hưng Yên; chỗ ở hiện nay: Thôn X, xã H1, huyện Y, tỉnh Hưng Yên. Vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Cháu Đỗ Thị Ngọc A, sinh ngày 28/3/2009; hộ khẩu thường trú: Thôn Y1, xã H1, huyện Y, tỉnh Hưng Yên; chỗ ở hiện nay: Thôn X, xã H1, huyện Y, tỉnh Hưng Yên. Đại diện hợp pháp của cháu Ngọc A: Bà Trương Thị H (mẹ đẻ cùng địa chỉ).

Người làm chứng: Bà Nguyễn Thị C, sinh năm 1952; trú tại: Thôn Y1, xã H1, huyện Y, tỉnh Hưng Yên. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày ngày 28 tháng 5 năm 2024 và quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn ông Đỗ Đình S trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông và bà Trương Thị H kết hôn tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Ngày 04/4/2008. Sau khi kết hôn bà H về chung sống với ông và gia đình ông tại thôn Yên Thổ, xã H1. Ông và bà H đều kết hôn lần hai. Quá trình chung sống vợ chồng ông bà thường xuyên cãi vã, bất đồng quan điểm sống, không tôn trọng nhau. Ông và bà H sống ly thân từ tháng 10/2022 đến nay. Thời gian sống ly thân, vợ chồng không ai quan tâm đến ai. Nay, ông nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã trầm trọng, không thể cùng nhau xây dựng đời sống hôn nhân nên ông đề nghị Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn bà H.

Về con chung: Ông và bà H có 01 con chung là cháu Đỗ Thị Ngọc A, sinh ngày 28/3/2009. Nguyên vọng của cháu A muốn ở với bà H, ông nhất trí để bà H trực tiếp nuôi dưỡng cháu Anh đến khi thành niên, ông cấp dưỡng nuôi con chung với bà H mỗi tháng 2.000.000 đồng/tháng.

Về tài sản, công nợ: Ông và bà H không nợ chung, ông không yêu cầu Tòa án giải quyết về phần tài sản.

Bị đơn bà Trương Thị H trình bày: Bà H xác nhận thời gian, điều kiện và hoàn cảnh kết hôn như ông S trình bày là đúng. Theo bà, quá trình chung sống vợ chồng mâu thuẫn là do ông S không chịu làm ăn, hay đánh đập vợ con. Ông S đi làm nhưng về không đưa bà tiền cho bà chi tiêu, làm được đồng nào thì ông S ăn chơi, hát hò, mua trổng và các dụng cụ hát, rủ bạn đến nhà hát. Bà H nói thì vợ chồng cãi nhau. Tháng 9 năm 2022, ông S đánh bà nên bà đã mang cháu Ngọc A ra ngoài ở trọ, không sống cùng ông S nữa. Từ khi bà và cháu Ngọc A ở riêng ông S không đến thăm hai mẹ con. Nay, ông S có đơn xin ly hôn, bà nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên bà nhất trí ly hôn.

Về con chung: Bà và ông S có 01 con chung như ông S trình bày, ly hôn bà đề nghị Tòa án giao cháu Ngọc A cho bà nuôi dưỡng, bà yêu cầu ông S phải cấp dưỡng nuôi con chung 2.000.000 đồng/ 1 tháng. Giả sử Tòa án giao con chung cho ông S nuôi dưỡng, bà sẽ cấp dưỡng nuôi con chung 2 triệu đồng/ 1 tháng cho ông S. Hiện nay bà làm việc tại Công ty may Hưng Long thu nhập mỗi tháng được khoảng 6-7 triệu đồng.

Về công nợ: Bà xác định vợ chồng không có công nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết về phần công nợ.

Về tài sản chung: Bà và ông S có tài sản chung là nhà 1 tầng rộng 4,5m dài 13m xây năm 2014, xây trên đất của bố mẹ ông S. Nguồn tiền xây nhà là bà bán 1,5 cây vàng được khoảng 44 triệu đồng, vay Hội Phụ nữ 12 triệu đồng và nợ ngoài bà không nhớ bao nhiêu. Ly hôn bà đề nghị ông S phải trả bà 120 triệu đồng, do hiện giờ giá vàng cao.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cháu Đỗ Thị Ngọc A trình bày: Cháu là con gái của bố Đỗ Đình S và mẹ Trương Thị H. Cháu đang ở với mẹ cháu tại thôn X, xã H1. Quá trình chung sống bố mẹ cháu nhiều lần xảy ra đánh cãi chửi nhau, bố đi làm về nhưng không có tiền cho mẹ. Từ cuối năm 2022 đến nay hai mẹ con cháu ra ngoài thuê nhà trọ thì bố mẹ cháu không sống cùng nhau

nữa, không điện thoại nói chuyện, không quan tâm hỏi han gì đến nhau. Về vấn đề ly hôn của bố mẹ cháu thì cháu không biết, để tự bố mẹ cháu tự quyết định. Cháu muốn ở với mẹ, do mẹ chăm cháu tốt hơn.

Người làm chứng bà Nguyễn Thị C (mẹ ông S) trình bày: Anh S và Chị Hương kết hôn, quá trình chung sống và xảy ra mâu thuẫn đúng như anh chị trình bày. Nguyên nhân mâu thuẫn cụ thể như thế nào bà không nắm rõ, gia đình có khuyên can nhưng không được. Nay, anh S có đơn đề nghị ly hôn với chị Hương, bà đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Về con chung: Chị Hương và anh S có 01 con chung là cháu Đỗ Thị Ngọc A, sinh ngày 28/3/2009. Nếu Tòa án giao cháu Ngọc A cho anh S nuôi dưỡng thì gia đình bà sẽ hỗ trợ anh S nuôi con. Về công nợ, tài sản: Vợ chồng anh S, chị Hương không nợ gì gia đình bà, không có công sức đóng góp gì vào khối tài sản của gia đình bà. Bà không đề nghị Tòa án giải quyết về phân tài sản, bà đề nghị Tòa án giải quyết, xét xử vắng mặt bà.

Tại phiên tòa:

Ông S giữ nguyên yêu cầu khởi kiện xin được ly hôn bà H, về phần con chung ông S nhất trí giao cháu Ngọc A cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi, mỗi tháng ông cấp dưỡng nuôi con 2.000.000 đồng; Về phần công nợ, tài sản ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Y, tỉnh Hưng Yên phát biểu quan điểm: Tòa án thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, lập biên bản hòa giải và đưa vụ án ra xét xử đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56; các điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình xử cho ông S được ly hôn bà H. Giao cháu Anh cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng đến khi thành niên, ông S cấp dưỡng nuôi con chung với bà H 2.000.000 đồng/1 tháng. Về công nợ, tài sản: Không xem xét giải quyết. Về án phí: Ông S phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án:* Ông Đỗ Đình S khởi kiện ly hôn với bà Trương Thị H, đây là vụ án tranh chấp hôn nhân và gia đình được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bà H hiện đang cư trú tại xã H1, huyện Y, tỉnh Hưng Yên nên theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Hưng Yên.

[2] *Về việc xét xử vắng mặt đương sự:* Bị đơn bà Trương Thị H đã được thông báo và triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa không có lý do nên căn cứ khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn.

[3] *Về quan hệ hôn nhân*: Qua lời trình bày của ông S, bà H cũng như các tài liệu chứng cứ khác, đã phù hợp với nội dung xác minh tại Ủy ban nhân dân xã H1, nên có đủ căn cứ xác định ông Đỗ Đình S và bà Trương Thị H đăng ký kết hôn tự nguyện tại Ủy ban nhân dân xã H1, huyện Y, tỉnh Hưng Yên ngày 04/4/2008 và đã được cấp Giấy chứng nhận kết hôn là đúng theo quy định Điều 8 và Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình. Vì vậy, hôn nhân của ông S và bà H là hợp pháp, việc ông S khởi kiện ly hôn bà H được Tòa án xem xét, giải quyết. Quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, do tính tình không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, vợ chồng sống ly thân gần 2 năm nay. Hội đồng xét xử, xác định mâu thuẫn vợ chồng giữa ông S và bà H đã ở mức trầm trọng, đời sống hôn nhân không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông S, cho ông S và bà H ly hôn là phù hợp với thực tế và quy định tại Điều 51, 53 và Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] *Về con chung*: Ông S và bà H có 01 con chung là cháu Đỗ Thị Ngọc A, sinh ngày 28/3/2009. Xét, hiện tại cháu Ngọc A đang do bà H nuôi dưỡng, nguyện vọng của cháu Ngọc A mong muốn được ở với mẹ. Để đảm bảo sự phát triển ổn định của cháu, cần giao cháu Ngọc A cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi là phù hợp với quy định tại các điều 81, 82 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[5] *Về cấp dưỡng nuôi con*: Bà H yêu cầu ông S cấp dưỡng nuôi con 2.000.000 đồng/1 tháng đến khi thành niên, ông S nhất trí. Xét, đề nghị của các đương sự tự nguyện, yêu cầu cấp dưỡng nuôi chung là chính đáng, Hội đồng xét xử ghi nhận yêu cầu này.

[6] *Về công nợ*: Ông S và bà H đều xác định không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[7] *Về tài sản chung*: Tại Tòa án bà H trình bày bà và ông S có tài sản chung là nhà 1 tầng rộng 4,5m dài 13m xây năm 2014, xây trên đất của bố mẹ ông S. Nguồn tiền xây nhà là bà bán 1,5 cây vàng được khoảng 44 triệu đồng, vay Hội Phụ nữ 12 triệu đồng và nợ ngoài bà không nhớ bao nhiêu. Do hiện nay giá vàng cao, nên bà đề nghị ông S phải trả bà 120 triệu đồng.

Tòa án đã hướng dẫn bà H thủ tục nộp đơn yêu cầu và tiến hành giao cho bà H Thông báo yêu cầu nộp đơn đề nghị chia tài sản chung và Quyết định yêu cầu cung cấp tài liệu chứng cứ, nhưng hết thời hạn bà H không nộp đơn yêu cầu, không nộp các tài liệu chứng cứ chứng minh cho yêu cầu của mình. Nguyên đơn ông S cho rằng lời trình bày của bà H là không có căn cứ. Vì vậy, Tòa án không xem xét, giải quyết yêu cầu của bà H.

[8] *Về án phí*: Ông Đỗ Đình S phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[9] *Về quyền kháng cáo*: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật tại Điều 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho ông Đỗ Đình S và bà Trương Thị H được ly hôn.

2. Về con chung: Giao cháu Đỗ Thị Ngọc A, sinh ngày 28/3/2009 cho bà Trương Thị H trực tiếp nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Ông S cấp dưỡng nuôi con chung cho bà H 2.000.000 đồng/1 tháng (Hai triệu đồng một tháng), thời hạn cấp dưỡng tính từ tháng 9/2024. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Kể từ khi người có đơn yêu cầu thi hành án đối với khoản tiền cấp dưỡng nuôi con chung, nếu người phải thi hành án không thi hành thì còn phải chịu lãi suất đối với khoản tiền cấp dưỡng tương ứng với thời gian và số tiền chưa thi hành án tại thời điểm thanh toán.

3. Việc công nợ và tài sản: Tòa án không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Ông Đỗ Đình S phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, ông S đã nộp 300.000 đồng theo Biên lai thu tiền số 0003168 ngày 03/6/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Y, tỉnh Hưng Yên. Ông S đã nộp xong án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày. Thời hạn kháng cáo của người có mặt tại phiên tòa tính từ ngày tuyên án sơ thẩm, thời hạn kháng cáo của người vắng mặt tại phiên tòa tính từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc ngày bản sao bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- TAND tỉnh Hưng Yên;
- VKSND huyện Y;
- Chi cục THA DS huyện Y;
- UBND xã N(nơi ĐKKH)
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Đào Thị Thu Hương

